TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/DS-ST
Ngày: 12-6-2017
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lê Văn Nhàn

Ông Lê Văn Tỵ

- *Thư ký phiên toà*: Ông Mai Chiến Trực - Thư ký tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*: Ông Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên toà sơ thẩm công khai xét xử vụ án dân sự thụ lý số: 1134/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2017/QĐST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1973, trú tại ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông C ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976, trú tại khu phố 5, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre (theo văn bản ủy quyền ngày 22/6/2016).

Bị đơn: Bà Nguyễn Đỗ Phương T, sinh năm 1973, trú tại ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978, Đăng ký thường trú tại: Ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre; trú tại ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông P, bà T có mặt, ông T vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông C yêu cầu bà Nguyễn Đỗ Phương T và ông Nguyễn Văn T trả lại cho ông C 200.000.000 đồng tiền vay, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 25/02/2016 ông C có cho bà T vay 200.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, mục đích vay để trả nợ ngân hàng, thời hạn vay là 10 ngày. Bà T là người ghi biên nhận nợ và ký tên vào biên nhận. Từ lúc vay đến nay bà T không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi. Hết thời hạn vay, ông C nhiều lần yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà T không thực hiện. Bà T vay tiền để trả nợ ngân hàng nên ông T chồng bà T phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà T trả số tiền vay cho ông C.

Bị đơn bà Nguyễn Đỗ Phương T trình bày:

Ngày 18/4/2015 bà có vay của ông C 90.000.000 đồng để trả lãi ngân hàng Kiên Long và trả tiền cho ngân hàng nào thì bà không nhớ, vay với tiền lãi 540.000 đồng/ngày. Khi vay có làm giấy mượn tiền, bà ký tên cùng ông D sau đó bà nhận 90.000.000 đồng rồi về, không có giữ giấy mượn tiền, sau khi Tòa án mời thì ông D mới đưa cho bà. Ngày 25/02/2016 ông C yêu cầu bà viết biên nhận mượn tiền với nội dung là bà có vay của ông C số tiền 90.000.000 đồng. Bà cho rằng bà chỉ vay của ông C số tiền 90.000.000 đồng, ông C đã cộng cả lãi gốc nên mới ra 200.000.000 đồng. Đối với tiền lãi bà đã đóng bà không yêu cầu tính lãi lại. Nay bà đồng ý trả số tiền 200.000.000 đồng cho ông C nhưng do hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bà vay tiền để trả tiền lãi nợ ngân hàng, còn vay tiền của ngân hàng Kiên Long để mua bán dừa, làm kinh tế gia đình. Việc bà vay tiền của ông C thì ông T không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo qui định pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hàng đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự, vắng mặt trong các lần tòa mời.

Về nội dung:

Đề nghị áp dụng Điều 463, 466, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T và ông T liên đới trả cho ông C 200.000.000 đồng, ghi nhận ông C không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát cũng như căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại 200.000.000 đồng tiền vay. Xét, đây là vụ án dân sự về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26, và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 25/02/2016 bà Nguyễn Đỗ Phương T viết biên nhận vay của ông Nguyễn Quốc C 200.000.000 đồng. Bà T cho rằng bà chỉ vay của ông C 90.000.000 đồng vào ngày 18/4/2015 âm lịch đến ngày 25/02/2016 ông C kêu bà viết lại biên nhận vay 200.000.000 đồng trong đó bao gồm cả tiền gốc và lãi. Tuy nhiên, bà T không có chứng cứ chứng minh được số tiền vay 200.000.000 đồng ngày 25/02/2016 là từ số tiền vay 90.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà T cũng đồng ý trả cho ông C 200.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng do hoàn cảnh khó khăn, đại diện nguyên đơn không đồng ý. Do đó, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông C, đối với việc bà T xin trả dần Hội đồng xét xử đây là giai đoạn thi hành án nên buộc bà T trả 200.000.000 đồng là có cơ sở.

Đối với yêu cầu của ông C về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T cùng liên đới nghĩa vụ trả nợ: Tại phiên tòa hôm nay, bà T thừa nhận mục đích bà vay tiền để trả tiền vay ngân hàng mà tiền vay ngân hàng là để làm ăn, trang trải sinh hoạt chung trong gia đình nhưng do làm ăn thất bại nên không có tiền trả nợ. Ông T đã nhận được thông báo thụ lý và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng không có ý kiến gì. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định số tiền 200.000.000 đồng bà T vay của ông C dùng để làm kinh tế nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên buộc ông T cùng liên đới nghĩa vụ với bà T trả nợ cho ông C 200.000.000 đồng là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, buộc bà T và ông T cùng liên đới nghĩa vụ trả nợ cho ông C là phù hợp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát của phù hợp của Tòa nên được chấp nhận.

Về chi phí giám định: Bà T và ông C cùng liên đới nghĩa vụ phải chịu là 1.050.000 (Một triệu không trăm năm mươi ngàn) đồng.

Về án phí: Bà T và ông T cùng liên đới nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 200.000.000 đồng x 05% = 10.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾTĐỊNH:

- Áp dụng các điều 463, 466, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc C đối với bà Nguyễn Đỗ Phương T và ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Nguyễn Đỗ Phương T và ông Nguyễn Văn T cùng liên đới nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Quốc C số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, không tính lãi.

"Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015".

Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Đỗ Phương T và ông Nguyễn Văn T cùng liên đới nghĩa vụ nộp 1.050.000 (Một triệu không trăm năm mươi ngàn) đồng và đã nộp xong.

Về án phí: Bà Nguyễn Đỗ Phương T và ông Nguyễn Văn T cùng liên đới nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho ông Nguyễn Quốc C số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 (Năm triệu) đồng theo biên lai số: 0002969 ngày 07/6/2016.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án trên xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thúy Uyên

Nơi nhận:
- *Các đương sự*;
- *VKSND huyện Mỏ Cày Nam;*
- *Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam*;
- *TAND tỉnh Bến Tre*;
- *Lưu hồ sơ*.